

CÁC ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU VÀ BỔ SUNG HOÀN CHỈNH ĐKCT HỢP ĐỒNG

1. Yêu cầu về bảo hiểm : (E-ĐKC 19.1)

a. Nhà thầu phải mua các loại bảo hiểm bắt buộc liên quan đến trách nhiệm của nhà thầu gồm: bảo hiểm bắt buộc cho người lao động thi công trên công trường và bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba theo quy định tại Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/09/2023 của Chính phủ.

Nhà thầu phải cung cấp cho chủ đầu tư bản sao y các Giấy chứng nhận bảo hiểm này trước ngày bắt đầu khởi công thi công công trình . (không yêu cầu cung cấp hóa đơn và hợp đồng)

Thời hạn bảo hiểm bắt đầu kể từ ngày khởi công thi công trên công trường cho đến ngày công trình hoàn thành.

b. Nhà thầu thay mặt Chủ đầu tư mua bảo hiểm xây dựng lắp đặt công trình theo giá trị và nghĩa vụ đáp ứng các yêu cầu tại Phụ lục 2 của hợp đồng.

Nhà thầu phải cung cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm (bản chính) kèm theo hoá đơn, hợp đồng mua bảo hiểm (bản chính) cho Chủ đầu tư trước khi khởi công công trình. Trường hợp hóa đơn mua bảo hiểm có giá trị thấp hơn giá trị mua bảo hiểm đã ký kết hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ thanh toán theo giá trị hóa đơn mua bảo hiểm

2. Phương thức thanh toán : (E-ĐKC 44.1)

a). Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

b). Thời hạn thanh toán: Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu trong vòng 30 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của nhà thầu.

c). Số lần thanh toán: Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu theo 02 lần cụ thể như sau:

+ **Lần 1:** Khi công trình được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng.

Sau khi công trình được các bên ký biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng, chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu đến 80% giá trị hoàn thành . Nhà thầu phải cung cấp đủ các chứng từ thanh toán sau:

- Văn bản đề nghị thanh toán của Nhà thầu (bản chính, do đại diện hợp pháp nhà thầu ký tên, đóng dấu);
- Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán (bản chính, do đại diện hợp pháp nhà thầu ký tên, đóng dấu);;
- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành (bản chính);
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng (bản chính);
- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng (bản chính, do đại diện hợp pháp hai bên ký tên, đóng dấu);
- Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng (nếu có) (bản chính,

do đại diện hợp pháp hai bên ký tên, đóng dấu);

- Bảng quyết toán A-B (bản photo)
- Biên bản xác nhận tiến độ thực hiện hợp đồng (bản chính);
- Biên bản phạt vi phạm hợp đồng (nếu có) (bản chính);
- Bảng xác định giá trị khối lượng vật tư A hoàn thành giai đoạn (bản chính, do đại diện hợp pháp hai bên ký tên, đóng dấu);
- Phiếu hoàn trả vật tư có xác nhận của Chủ đầu tư (đối với công trình có vật tư A cấp dư thừa sau thi công) (bản chính);
- Bảo lãnh bảo hành hợp lệ đáp ứng quy định tại Điều 8 của Hợp đồng dự thảo hợp đồng (trong trường hợp Nhà thầu thực hiện bảo đảm bảo hành bằng thư bảo lãnh) (bản chính);
- Văn bản của Nhà thầu đề nghị Chủ đầu tư giữ lại 5% giá trị hợp đồng sau thuế trong giá trị thanh toán để thực hiện bảo đảm bảo hành (trong trường hợp Nhà thầu thực hiện bảo đảm bảo hành bằng tiền mặt; Chủ đầu tư sẽ khấu trừ giá trị bảo hành vào giá trị thanh toán) (bản chính);
- Hóa đơn GTGT theo qui định của Bộ Tài chính (bao gồm cả khối lượng phát sinh, nếu có) (bản chính);

Các khoản phạt và bồi thường thiệt hại của nhà thầu do vi phạm hợp đồng (nếu có) sẽ được khấu trừ vào đợt thanh toán này

+ Lần 2: Khi công trình được phê duyệt quyết toán

Sau khi quyết toán công trình được cấp thẩm quyền của Chủ đầu tư phê duyệt, Chủ đầu tư sẽ thanh toán đến 100% giá trị quyết toán được duyệt.

Trường hợp Nhà thầu thực hiện bảo đảm bảo hành bằng khấu trừ tiền mặt trong thanh toán thì Chủ đầu tư sẽ thanh toán đến 95% (chín mươi lăm phần trăm) giá trị quyết toán được duyệt và thanh toán 5% (năm phần trăm) giá trị quyết toán còn lại cho Nhà thầu sau khi Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo hành công trình theo quy định. Nhà thầu phải cung cấp đủ các chứng từ thanh toán sau:

- Văn bản đề nghị thanh toán của Nhà thầu (bản chính);
- Hồ sơ quyết toán được duyệt gồm: 01 tập quyết toán gốc và 04 tập quyết toán hiệu chỉnh theo quyết định phê duyệt quyết toán (bản chính);
- Biên bản thanh lý hợp đồng (bản chính);
- Hóa đơn GTGT theo qui định của Bộ Tài chính (điều chỉnh theo kết quả phê duyệt quyết toán, nếu có)..
- d). Thông tin ghi trên hóa đơn:
- Tên đơn vị: Chi nhánh Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (Loại hình doanh nghiệp : Công ty TNHH) - Viễn thông thành phố Hồ Chí Minh.
Hoặc : VNPT thành phố Hồ Chí Minh
- Địa chỉ: 125 Hai Bà Trưng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Mã số thuế: 0300954529.

3. Mức phạt (E- ĐKC-49.1):

- Chậm nộp hoặc chậm tu chỉnh bảo đảm thực hiện hợp đồng : 0,5 % giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng cho mỗi ngày chậm.
- Chậm gia hạn bảo lãnh tạm ứng: 0,5 % giá trị bảo lãnh tạm ứng cho mỗi ngày chậm.
- Chậm trong thời gian thi công : 1% Giá trị hợp đồng (trước thuế GTGT) cho mỗi ngày chậm so với thời gian thi công quy định của dự thảo Hợp đồng.
- Chậm trong thời gian lập, nhân bản hồ sơ hoàn công : 0,5 % Giá trị hợp đồng (trước thuế GTGT) cho mỗi ngày chậm lập, nộp hồ sơ hoàn công so với thời gian quy định của dự thảo Hợp đồng.
- Vi phạm về an toàn lao động và vệ sinh môi trường : 0,5 % Giá trị hợp đồng (trước thuế GTGT) cho mỗi lần vi phạm phải lập biên bản đình chỉ thi công.
- Chậm nộp bảo lãnh bảo hành : 0,5% giá trị bảo lãnh bảo hành cho mỗi ngày chậm nộp theo thời gian quy định của dự thảo Hợp đồng.
- Chậm nộp hồ sơ quyết toán 1 tập hoặc bổ sung hồ sơ quyết toán thuộc trách nhiệm nhà thầu : 0,5 % Giá trị hợp đồng (trước thuế GTGT) cho mỗi ngày chậm nộp hồ sơ quyết toán 1 tập quy định của dự thảo Hợp đồng.
- Tổng số tiền phạt tối đa: 12% giá trị hợp đồng (trước thuế GTGT). Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.

4. Bồi thường thiệt hại (E- ĐKC-49.2):

Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.

- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.
- Nhà thầu chịu trách nhiệm bồi thường tất cả các thiệt hại phát sinh trong trường hợp việc thi công của nhà thầu làm ảnh hưởng đến bên thứ ba (các công trình lân cận...).
- Nhà thầu phải hoàn trả vật tư Chủ đầu tư cấp thừa sau thi công, kể cả vật tư thu hồi trong quá trình thi công (nếu có) trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày hai bên ký hồ sơ hoàn công. Vật tư thừa hoàn trả phải còn nguyên đai, nguyên kiện (trừ trường hợp phải tháo mở lấy đi một phần phục vụ thi công công trình) và đảm bảo chất lượng, số lượng đúng như khi tiếp nhận bàn giao từ Chủ đầu tư. Trường hợp Nhà thầu không hoàn trả vật tư đúng thời hạn thì tại thời điểm nghiệm thu đưa vào sử dụng, hai bên ký Biên bản xác nhận vật tư Chủ đầu tư không thể thu hồi. Đối với khối lượng vật tư Chủ đầu tư không thể thu hồi thì Nhà thầu phải thanh toán bằng tiền trên cơ sở Chủ đầu tư thẩm định và phê duyệt giá theo giá thị trường tại thời điểm ký Biên bản xác nhận vật tư không thể thu hồi nhưng không thấp hơn đơn giá vật tư trước đây đã xuất cho công trình.
- Tiền bồi thường thiệt hại sẽ được khấu trừ vào các đợt thanh toán đến hạn cho nhà thầu. Trường hợp tiền bồi thường thiệt hại vượt các khoản thanh toán còn lại thì Nhà thầu phải có trách nhiệm chi trả thêm phần còn thiếu bằng chi phí của mình.